

BÀN THÊM VỀ VẤN ĐỀ ĐỊA DANH HỌC Ở VIỆT NAM*

GS.TS TRẦN TRÍ DŨI

Abstract: In Vietnam toponymy has been studied is addressed from different approaches, including geo-historico-cultural, and linguistic. Such distinction is merely relative because toponymy involves the study of the culture of each geographical area marked by certain nomenclatures. Depending on the data processing methods, each approach will make different contributions to the clarification of the cultural content embodied by each nomenclature in question.

In this paper, the study of the place name of Cổ Loa village is used as an illustration of the two afore-mentioned approaches. We adopt the historico-comparative linguistic perspective in clarifying the evolution of a particular place name, which supplements the geohistorico-cultural approach. Our analysis and explanation reveal that the present Sino-Vietnamese form of the name Cổ Loa is very likely to have originated from a place name in Austronesian languages.

Key words: *toponymy, geography, history, culture, linguistics, Viet Nam.*

1. Những hướng cơ bản tiếp cận địa danh học ở Việt Nam

1.1. Nghiên cứu địa danh từ cách tiếp cận địa chí học

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu địa danh có từ rất sớm và chủ yếu là những sách theo hướng địa chí học, nghĩa là xem xét địa danh một cách tổng hợp từ góc độ địa lí, lịch sử và văn hoá. Chúng ta có thể kể đến tác phẩm tiêu biểu đầu tiên trong lịch sử là *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (thế kỉ XV). Sau ông cho đến thế kỉ thứ XIX, đều là những công trình ghi chép hay nghiên cứu về địa chí có mô tả về địa danh Việt Nam¹. Ở giai đoạn này, đây là những công trình tập trung biên soạn hay chỉ dẫn về địa chí lịch

sử thuộc những vùng đất ở những vùng miền khác nhau của Việt Nam. Do đó, nội dung mô tả về địa danh ở đây chủ yếu là những thông tin về diện cách địa chí của mỗi vùng đất.

.....

* Bài viết này được viết lại trên cơ sở những nội dung đã trình bày tại Viện Văn học Đại học Ký Nam (Quảng Đông, Trung Quốc) ngày 30.12.2014. Nhân đây, chúng tôi xin cảm ơn những trao đổi rất hữu ích của GS Dương Quảng Ba và các GS trong buổi trình bày của chúng tôi ở quý Viện. Bài viết cũng đã nhận được những góp ý quan trọng của GS.TS Nguyễn Đức Tồn khi chúng tôi gửi đến tạp chí Ngôn ngữ; nhân đây, xin trân trọng cảm ơn sự góp ý của GS.

Sang thế kỉ XX, việc nghiên cứu địa danh từ góc nhìn địa chí học như trước đây vẫn được tiếp tục². Đồng thời, còn có thêm những công trình đã bước đầu tiếp cận vào nghiên cứu theo từng khía cạnh cụ thể, theo từng lớp địa danh ở những vùng địa lí khác nhau, nghiên cứu theo tiến trình phát triển qua sự kế thừa lịch sử và biên soạn những từ điển nhằm mục đích tra cứu thông tin về địa danh Việt Nam³. Những nghiên cứu địa danh và việc biên soạn từ điển như thế, tùy theo góc độ giải quyết vấn đề, đã cung cấp cho giới nghiên cứu những thông tin hữu ích thuộc những khía cạnh khác nhau về địa chí học của địa danh ở Việt Nam. Theo nhận thức của chúng tôi, những thông tin hay những nội dung như thế sẽ rất hữu ích trong việc nghiên cứu địa danh theo cách phân tích của ngôn ngữ học.

1.2. Nghiên cứu địa danh từ cách tiếp cận ngôn ngữ học

Ở Việt Nam cách tiếp cận địa danh học theo hướng ngôn ngữ học, về nguyên tắc, mới chỉ có từ thập niên 60 của thế kỉ XX. Nhiều nhà ngôn ngữ học Việt Nam hiện nay cho rằng bài viết *Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông* [2] của Hoàng Thị Châu là công trình đánh dấu một cột mốc quan trọng cho việc nghiên cứu địa danh theo hướng này. Qua việc sử dụng phương pháp của ngôn ngữ học so sánh - lịch sử (comparative), tác giả đã cung cấp những thông tin cần thiết liên quan đến nguồn gốc và quá trình hình thành một số địa danh

chỉ tên gọi “sông” trong mối liên hệ ngữ âm giữa các ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á để nhận diện nguồn gốc lịch sử của mỗi địa danh.

Sau bài viết nói trên, đã có không ít bài viết, những cuốn sách và nhiều luận án tiến sĩ ngôn ngữ học nghiên cứu về những nội dung khác nhau của địa danh trên những vùng địa lí khác nhau. Những công trình ngôn ngữ học nghiên cứu địa danh vừa nói tới⁴ chủ yếu là nghiên cứu ở bình diện đồng đại, với những cách thức xử lí như phân loại địa danh từ những góc nhìn khác nhau, nghiên cứu cách cấu tạo, nhận diện phương thức định danh và sau đó “thông qua ý nghĩa” của địa danh liên hệ để giải thích hay nhận diện “giá trị văn hoá” của những địa danh đó. Cách tiếp cận đồng đại trong những công trình như thế, tuy vẫn được các tác giả tuyên bố là có “nghiên cứu nguồn gốc” nhưng trên đại thể là thiên về địa chí học, tức là về cơ bản cách giải thích nguồn gốc ý nghĩa địa danh đều trên cơ sở dựa vào ý nghĩa theo lối giải thích “dân gian” chứ chưa thật sự chú ý đến cơ sở biến đổi ngữ âm lịch sử của bản thân địa danh.

Hướng nghiên cứu ngôn ngữ học thứ hai là hướng nghiên cứu theo bình diện lịch đại, với việc sử dụng phương pháp của ngôn ngữ học so sánh - lịch sử để xác lập những quy luật biến đổi ngữ âm của mỗi địa danh nhằm nhận diện nguồn gốc và quá trình biến đổi lịch đại của nó. Sau đó, qua việc mô tả tiến trình lịch đại của mỗi địa danh người ta chỉ ra những

giá trị văn hoá lịch sử mà địa danh lưu giữ hay được kí thác⁵. Những bài viết theo cách thức đó hướng tới việc xác định nguồn gốc địa danh trên cơ sở xác lập những biến đổi ngữ âm có quy luật của ngôn ngữ, để từ đó nhận diện quá trình chuyển đổi, tiếp xúc ngôn ngữ trong sự phát triển lịch sử của địa danh. Chính nhờ sự quan sát đó, người ta không chỉ nhận biết rõ nguồn gốc của địa danh mà còn nhận biết các giá trị văn hoá lịch sử được lưu giữ trong địa danh.

1.3. Một vài nhận xét

Như vậy, có thể nói rằng, địa danh học hay nghiên cứu địa danh ở Việt Nam hiện nay đang được tiếp cận theo hai hướng khác nhau. Cách tiếp cận thứ nhất có từ thế kỉ thứ XV cho đến nay vẫn được tiếp tục là cách tiếp cận theo hướng địa chí học. Với cách tiếp cận này, về bản chất, người ta nghiên cứu địa danh theo những thông tin mô tả về diện tích địa chí của vùng đất. Việc nghiên cứu theo cách tiếp cận này tuy cũng nói về nguồn gốc địa danh nhưng thường xuất phát từ góc nhìn “ý nghĩa” của các địa danh theo lối giải thích dân gian hay qua sự thay thế những dạng thức địa danh khác nhau đã được xác nhận hay ghi chép trong mỗi giai đoạn lịch sử.

Cách tiếp cận thứ hai thể hiện rõ nét nhất từ thập niên 60 của thế kỉ XX là cách tiếp cận của ngôn ngữ học. Và cách tiếp cận này, đến lượt mình, lại được phân hoá theo hai hướng xử lí khác nhau. Một hướng nghiên cứu chủ yếu ở mặt đồng đại, lấy việc

mô tả phân loại, xác định đặc điểm cấu tạo và cách thức định danh cũng như “ý nghĩa văn hoá” làm nội dung nghiên cứu chính. Còn một hướng khác là nghiên cứu theo bình diện lịch đại, lấy việc xác lập những quy luật biến đổi ngữ âm của địa danh để khôi phục nguồn gốc và quá trình biến đổi của nó; sau đó, qua mô tả tiến trình lịch đại của địa danh, người ta chỉ ra những giá trị văn hoá lịch sử mà địa danh đã và đang lưu giữ. Chúng tôi nhận thấy rằng, cách xử lí thứ hai này của ngôn ngữ học phức tạp hơn, do nó đòi hỏi phải có được những tri thức ngữ âm lịch sử đủ để nhìn nhận sự biến đổi của ngôn ngữ, vì thế là một công việc không đơn giản đối với nhiều người nghiên cứu.

Việt Nam là một vùng đất hay một địa bàn đa dạng văn hoá, cho nên dù là nghiên cứu địa danh theo cách tiếp cận địa chí học hay cách tiếp cận ngôn ngữ học cũng sẽ có rất nhiều những nội dung khác nhau cần được xử lí một cách đồng thời. Chẳng hạn như khi nghiên cứu các địa danh thuần Việt (địa danh Nôm), trong quá trình mô tả cách thức định danh của nó người ta cũng phải đặt nó trong mối liên hệ với địa danh Hán - Việt tương ứng. Hay như khi mô tả và truy tìm nguồn gốc của các địa danh có nguồn gốc dân tộc thiểu số ở nhiều vùng cư trú khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam như địa danh gốc Chăm, địa danh gốc Khmer, địa danh gốc Thái, v.v..., việc mô tả hay nhận diện sẽ vẫn thiếu thuyết phục nếu như chưa xác lập được hay chỉ ra những biến đổi ngữ âm của chúng, v.v...

Điều đó có nghĩa là những kết quả nghiên cứu địa danh theo cách tiếp cận khác nhau sẽ góp phần bổ sung cho nhau, cả về phương diện lí thuyết lẫn phương diện tư liệu. Có như vậy, ngành địa danh học Việt Nam mới hứa hẹn thu được những kết quả thật sự đáng tin cậy.

2. Địa danh học ở Việt Nam: nghiên cứu trường hợp địa danh Cổ Loa

2.1. Nghiên cứu địa danh Cổ Loa theo góc nhìn địa chí học

Để minh họa cho sự khác biệt nhưng bổ sung cho nhau giữa hai cách tiếp cận trong địa danh học ở Việt Nam, chúng tôi xin lấy trường hợp nghiên cứu địa danh *Cổ Loa* làm thí dụ. Lí do là, đối với trường hợp địa danh này đã có cách tiếp cận địa chí học (mà tiêu biểu là nghiên cứu của học giả Đào Duy Anh [1]); đồng thời địa danh nói trên cũng đã được nghiên cứu từ góc nhìn của ngôn ngữ học so sánh - lịch sử (mà kết quả bước đầu đã được chúng tôi công bố [7c]).

Cổ Loa là tên gọi của làng hay cũng là tên gọi toà thành của Thục An Dương Vương - Vua nước Âu Lạc trong lịch sử Việt Nam. Hiện nay, địa danh này là một tên gọi Hán - Việt, tương đương với những tên gọi Hán - Việt khác là *Khả Lũ* hay *Loa Thành*; đồng thời nó cũng có một tên gọi Nôm là (*chạ/ làng*) *Chũ*. Tên gọi làng hay toà thành có giá trị như nhau vì di chỉ thành của An Dương Vương thuộc địa

giới làng Cổ Loa, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành phía bắc Hà Nội.

2.1.1. Cách lí giải của học giả Đào Duy Anh

Về ý nghĩa cũng như xuất xứ của những dạng Hán - Việt liên quan đến địa danh Cổ Loa, đã có một vài cách lí giải khác nhau. Trong số đó, học giả Đào Duy Anh là người có những giải thích chi tiết, có hệ thống và chứa đựng nhiều thông tin nhất. Vì thế, có thể coi nghiên cứu của ông là tiêu biểu cho cách tiếp cận địa chí học. Cho nên, khi làm rõ cách giải thích của ông, cũng có nghĩa chúng tôi trình bày lại theo cách hiểu của mình về một cách thức nghiên cứu địa danh học đang được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng ở Việt Nam theo định hướng đó.

Trong cuốn *Đất nước Việt Nam qua các đời* [1], khi trình bày về nước Âu Lạc và Loa Thành, học giả Đào Duy Anh đã viết nguyên văn như sau:

“...thành An Dương Vương là ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh thuộc Hà Nội ngày nay, thành ấy xây hình tròn ốc cho nên được gọi là Loa Thành... Mãi đến thế kỉ XV người ta mới thấy trong thư tịch Trung Quốc có sách *An Nam Chí* [nguyên] chép đến tên Loa Thành là thành hình xoáy ốc mà tập truyền là của An Dương Vương. Trong thư tịch Việt Nam thì tên Loa Thành xuất hiện đầu tiên ở *Lĩnh Nam trích quái*, điều ấy chứng tỏ rằng tên ấy đã có trong tập truyền của nhân dân ta từ trước. Lê Tắc (thế kỉ XIII)

viết sách *An Nam Chí Lược* trước khi sách *Lĩnh Nam trích quái* được biên tập thì gọi thành ấy là thành Khả Lũ. Sách *An Nam chí* [nguyên] là sách sao tập nhiều đoạn của *An Nam chí lược* chép rằng Loa Thành cũng có tên là thành Khả Lũ. Cái tên Khả Lũ ấy khiến phải suy nghĩ. Chúng tôi nhận thấy Khả Lũ với Cổ Loa (tên làng hiện nay có di tích Loa Thành) là đồng âm. Nhưng *Cổ Loa*, theo chúng tôi, không có nghĩa là Loa Thành xưa (cổ). Muốn tìm hiểu ý nghĩa chữ *cổ*, chúng ta hãy so sánh tên Cổ Loa với những tên Cổ Bôn và Cổ Định” [1, 30-31].

Phân tích một cách chi tiết những thông tin nói trên, chúng ta nhận thấy những vấn đề như sau:

- Thứ nhất, tên gọi *Cổ Loa*, *Loa Thành* và cả *Khả Lũ* là những tên gọi Hán - Việt xuất hiện ở thư tịch Việt Nam và Trung Quốc sớm nhất cũng chỉ từ (hoặc sau) thế kỉ thứ XIII. Điều đó cho phép ghi nhận rằng trước đó đã có một tên gọi thuần Việt (tên gọi Nôm) trong dân gian người Việt. Và như vậy, những tên gọi Hán - Việt chỉ là sự “Hán - Việt hoá” (Sino - Vietnamese) tên gọi thuần Việt trước đó của người Việt theo những cách khác nhau mà thôi.

- Thứ hai, địa danh *Loa Thành* được giải nghĩa là “thành hình xoáy ốc” và chính ý nghĩa Hán - Việt này quy định tên gọi *Loa Thành*. Về nguyên tắc, có thể địa danh là một từ Hán - Việt được người ta dùng để ghi lại nghĩa của một tên gọi Nôm trước đây;

nhưng cũng có thể, địa danh là một từ Hán - Việt chỉ thuần túy ghi lại âm đọc của một tên Nôm trước đó, còn ý nghĩa là suy ra từ nghĩa của từ Hán - Việt sau khi nó trở thành địa danh. Khi Đào Duy Anh cho rằng “*Cổ Loa*, theo chúng tôi, không có nghĩa là Loa Thành xưa (cổ)”, ông đã gián tiếp cho biết cái ý nghĩa “thành hình xoáy ốc” nghiêng về khả năng là do suy ra từ nghĩa của chính từ Hán - Việt khi nó đã trở thành địa danh để đánh dấu toà thành ở làng Cổ Loa.

- Thứ ba, theo Đào Duy Anh thì *Khả Lũ* và *Cổ Loa* là “đồng âm”, có nghĩa là hai địa danh đó có thể là hai dạng thức ngữ âm về sau của cùng một dạng thức trước đây. Trong hai dạng thức ấy, có một vấn đề được đặt ra là giữa *Khả Lũ* và *Cổ Loa*, tên gọi nào có trước hay cả hai đều được dẫn xuất từ một tên gọi khác. Đây là một vấn đề rất quan trọng, vì nó là một trong những chứng cứ để hiểu đúng ý nghĩa cũng như xuất xứ của địa danh này.

Theo cách lí giải nói trên, như vậy, trong ba địa danh Hán - Việt đó, *Loa Thành* là một trường hợp riêng theo kiểu logic tiếng Trung Quốc; còn *Khả Lũ* và *Cổ Loa* dường như có một cách xử lí ngữ âm khác. Về mặt ý nghĩa, *Cổ Loa* và *Khả Lũ* được xếp chung một bên, còn *Loa Thành* thuộc vào một bên khác; đồng thời vì thế hai địa danh *Khả Lũ* và *Cổ Loa* không thể mang ý nghĩa “thành hình xoáy ốc” như *Loa Thành*.

Lí giải “nguồn gốc” của yếu tố *cổ* trong tên gọi *Cổ Loa*, Đào Duy Anh đã viết:

“Đối chiếu chữ *Cổ Loa* với lai lịch chữ *Cổ Bôn* và *Cổ Định*, chúng ta có thể đoán rằng tên *Cổ Loa* hẳn là do tên Nôm cũ *Kẻ Loa* mà ra. Trong tiếng Việt Nam có cái lệ lấy chữ *Kẻ* đặt lên trên một chữ khác để gọi tên một làng..., ví dụ như *Kẻ Chợ*... Khi người ta phiên âm tiếng *Kẻ* thành chữ Hán thì người ta phiên thành chữ *Cổ*, như *Cổ Bôn*, *Cổ Ninh*...

...chúng tôi nghĩ rằng chữ *Cổ Loa* có lẽ là do phiên âm chữ *Kẻ Loa* của dân gian, mà *Kẻ Loa* tức là người làng có thành *Loa*. Song chữ *Loa Thành* không phải là của dân gian mà là chữ Hán = ốc. Chúng tôi cho rằng cái tên *Loa Thành* thấy xuất hiện ở *Lĩnh Nam trích quái* của ta có lẽ cũng có từ trước, từ thời nhà Tống (sau sách *Thái Bình hoàn vũ ký*) do người Trung Quốc đặt ra để gọi thành xưa của An Dương Vương mà tập truyền cho là hình xoáy ốc, vì thấy nó vòng trong vòng ngoài (bản đồ *Cổ Loa* ngày nay còn cho thấy rõ) nên tưởng tượng như hình xoáy ốc. Do tên *Loa Thành* của người Trung Quốc đặt đó, dân gian mới gọi tên làng ở đó là *Kẻ Loa*; Lê Tắc khi ở Trung Quốc viết sách *An Nam chí lược* lại viết thành *Khả Lũ* là phiên chữ *Kẻ Loa* của Việt Nam theo tiếng Trung Quốc bấy giờ” [1, 31-32].

Chúng ta có thể phân tích chi tiết cách nhìn nhận về mặt ý nghĩa cũng như trình tự xuất hiện địa danh

Cổ Loa theo những giải thích nói trên của Đào Duy Anh như sau:

- Thứ nhất, địa danh *Cổ Loa* có hai yếu tố kết hợp lại với nhau là *Cổ* và *Loa*. Trong đó, *Cổ* là dạng thức Hán - Việt hoá về sau của âm Nôm *kẻ* với ý nghĩa “người của làng...”, còn *Loa* có nguồn gốc Hán do người Trung Quốc đời Tống thấy thành của An Dương Vương xoáy nhiều vòng như hình ốc nên “tưởng tượng” mà gọi như thế (!). Và như vậy, theo ông, hình như ở Việt Nam sẽ có một kiểu địa danh như *kẻ Loa*, trong đó *kẻ* là thuần Việt chỉ thành tổ chung⁶, còn yếu tố *loa* là “tên riêng” do dân gian Việt vay mượn từ tên gọi của tiếng Hán (!).

- Thứ hai, nếu vậy địa danh *kẻ Loa* xuất hiện là do dân gian Việt ghép yếu tố *kẻ* của mình với yếu tố *loa* của tiếng Hán lấy từ *Loa Thành* đã có trước đây. Về sau, từ khoảng thế kỉ XIII *kẻ Loa* được Hán - Việt hoá thành *Cổ Loa* (theo cách *kẻ Loa* > *Cổ Loa*); còn Lê Tắc cũng vào thế kỉ XIII khi viết *An Nam chí lược* bên Trung Quốc đã phiên *kẻ Loa* thành *Khả Lũ* theo cách của tiếng Hán “lúc bấy giờ”.

2.1.2. Giả thiết của Đào Duy Anh

Như vậy, lí giải của Đào Duy Anh về địa danh *Cổ Loa* có trình tự như sau. Địa danh Hán *Loa Thành* xuất hiện đầu tiên (giả định ở thời nhà Tống bên Trung Quốc trước thế kỉ XIII) do thấy “thành xây xoáy ốc”; tiếp sau dân gian Việt dựa vào đó đặt tên Nôm *kẻ Loa* để chỉ “người làng

có Loa Thành”; về sau (khoảng thế kỉ XIII-XV) người ta Hán - Việt hoá tên Nôm *kẻ Loa* ấy thành *Cổ Loa* (ở Việt Nam) hay *Khả Lũ* (theo cách ở Trung Quốc).

Cách tiếp cận địa danh theo địa chí học nói trên đã cho phép Đào Duy Anh phác họa lịch sử địa danh *Cổ Loa* như vừa tóm tắt ở trên. Nhưng cái cơ chế chuyển hoá từ địa danh Nôm sang địa danh Hán - Việt theo cách lí giải của ông như vừa trình bày, rõ ràng là rất khiên cưỡng. Bởi lẽ, khi ông viết “cái tên Loa Thành thấy xuất hiện ở *Lĩnh Nam trích quái* của ta có lẽ cũng có từ trước, từ thời nhà Tống (sau sách *Thái Bình hoàn vũ ký*) do người Trung Quốc đặt ra để gọi thành xưa của An Dương Vương” là một giả định còn thiếu cơ sở. Vì rằng chính *Lĩnh Nam trích quái* đã ghi rõ rằng “người đời Đường gọi là Côn Lôn thành” (V. Quỳnh, 1960, tr.59). Điều đó có nghĩa trước đời Tống, ở Trung Quốc đã có ghi địa danh *Cổ Loa* bằng tên gọi *Côn Lôn* chứ không phải đến đời Tống mới có tên gọi *Loa Thành*. Cho nên, để làm sáng tỏ vấn đề mà Đào Duy Anh đặt ra, có lẽ chúng ta phải phân tích thêm vấn đề Hán - Việt hoá địa danh ở Bắc Bộ Việt Nam.

2.2. Phân tích địa danh *Cổ Loa* theo cách tiếp cận của ngôn ngữ học

2.2.1. Vấn đề Hán - Việt hoá địa danh ở Bắc Bộ Việt Nam

Trên cơ sở phân tích địa danh những làng ở Bắc Bộ Việt Nam vừa có tên Nôm vừa có tên Hán - Việt,

trong những bài viết công bố năm 2008 [7c], chúng tôi đã đưa ra một vài nhận xét ban đầu như sau.

Thứ nhất, về ngữ âm địa danh Nôm chỉ làng thường có một âm tiết, còn địa danh Hán - Việt tương ứng bao giờ cũng là hai âm tiết. Đồng thời mối quan hệ giữa tên Nôm một âm tiết và tên Hán - Việt hai âm tiết thường có sự tương ứng.

a) Âm tiết của địa danh Nôm được “thể hiện” hay “tương ứng ngữ âm có quy luật”⁷ với một âm tiết của địa danh Hán - Việt và tình trạng này chiếm đa số. Thí dụ, đó là những trường hợp như (kẻ/ làng) *Ta* - (làng) *Cổ Đô*, (kẻ/ làng) *Duối* - (làng) *Khôn Duy*, (kẻ/ làng) *Mọc* - (làng) *Nhân Mục*, (kẻ/ làng) *Mét* - (làng) *Cổ Miệt/ An Miệt*, v.v... Nói một cách khác, khi Hán - Việt hoá địa danh Nôm, người ta thường dùng một âm tiết Hán - Việt để phiên âm địa danh Nôm có trước đó. Một âm tiết còn lại trong địa danh Hán - Việt thường ít chịu tác động của ngữ âm địa danh Nôm. Như vậy, trong hai âm tiết của địa danh Hán - Việt, chỉ có một âm tiết chịu trách nhiệm chuyển tải ngữ âm (hay phiên âm) âm đọc của địa danh Nôm có trước.

b) Hai là, trong sự tương ứng ngữ âm nói trên, lại có thể chia thành hai kiểu khác nhau. Theo đó, có trường hợp âm Nôm chỉ được thể hiện trong âm tiết thứ nhất của địa danh Hán - Việt; còn lại đa số âm Nôm được thể hiện trong âm tiết thứ hai của địa danh Hán - Việt. Thí dụ, ở kiểu thứ nhất là (kẻ/ làng) *Léo* - (làng) *Lưu Khê*,

(kê/ làng) *Gạch* - (làng) *Cách Bí*, (kê/ làng) *Ngô* - (làng) *Ngô Xá*, v.v...; còn ở kiểu thứ hai là (kê/ làng) *Duối* - (làng) *Khôn Duy*, (kê/ làng) *Ta* - (làng) *Cổ Đô*, (kê/ làng) *Trời* (làng) - *Khúc Toại*, v.v...

c) Ngoài hai kiểu tương ứng đã được nêu ở trên, chúng ta còn thấy có khả năng ngữ âm của âm tiết địa danh Nôm đồng thời tương ứng với cả hai âm tiết của địa danh Hán - Việt. Chẳng hạn, đó là những địa danh (kê/ làng) *Cháp* - (làng) *Cá Lập*, (kê/ làng) *Chèm* - (làng) *Từ Liêm*, (kê/ làng) *Dâu/ Giấu* - (làng) *Cổ Châu*, (kê/ làng) *Chám* - (làng) *Cổ Lãm*, (kê/ làng) *Dạm* - (làng) *Cổ Lãm*, (kê/ làng/ chạ) *Chủ* - (làng) *Cổ Loa/ Khả Lũ*. Ở đây, âm tiết thứ hai của địa danh Hán - Việt phản ánh ngữ âm của địa danh Nôm là rất dễ nhận thấy (thí dụ, *Cháp* - *Lập*, *Chèm* - *Liêm*, *Chủ* - *Loa/ Lũ*, v.v.); còn hiện tượng âm tiết thứ nhất của địa danh Hán - Việt phản ánh ngữ âm của địa danh Nôm thì khó nhận biết hơn nhưng không phải là không nhận thấy được. Chẳng hạn, ở địa danh Nôm *Cháp*, *Chèm*, *Chủ*, nhờ những quy luật ngữ âm lịch sử của tiếng Việt đã được làm sáng tỏ, chúng ta có thể hoàn toàn khôi phục lại (hay tái lập) lại dạng thức ban đầu của chúng thành **kláp/ tláp > Cháp*, **klèm/ tlem > Chèm* và **klu/ klo/ khlu > Chủ*⁸.

Đối với trường hợp thứ ba này, theo chúng tôi, chính dạng thức ngữ âm của địa danh Nôm đã chi phối cách lựa chọn kiểu tương ứng khi người

ta Hán - Việt hoá địa danh Nôm. Theo đó, có lẽ âm tiết thứ hai trong địa danh Hán - Việt dùng để phiên âm ngữ âm phần vần hay toàn bộ âm tiết của địa danh Nôm: **kláp/ tláp > lập* (*Cá Lập*), **klèm/ tlem > liêm* (*Từ Liêm*) và **klu/ khlu/ klo > lũ/ loa* (*Khả Lũ/ Cổ Loa*). Trong khi đó, âm tiết thứ nhất trong địa danh Hán - Việt đã phản ánh ngữ âm chỉ riêng âm đầu, thậm chí là yếu tố phụ âm trong tổ hợp phụ âm đầu của địa danh Nôm: **kl/ tl/ k > cá* (*Cá Lập*), **kl/ tl/ t > từ* (*Từ Liêm*), **kl/ kh/ k > khả/ cổ* (*Khả Lũ/ Cổ Loa*). Lí do là khi Hán - Việt hoá, ngữ âm tiếng Việt đang còn lưu giữ rõ nét tổ hợp phụ âm đầu trong âm tiết địa danh Nôm. Ở thời kì về sau, tổ hợp phụ âm đầu đã biến đổi thành đơn âm trong tiếng Việt (thí dụ, **kl/ tl/ k > ch* (*Cháp*), **kl/ tl/ t > ch* (*Chèm*), **kl/ kh/ k > ch* (*Chủ*), v.v...). Như vậy, ở trường hợp này, âm tiết địa danh Nôm hiện nay (*Cháp*, *Chèm*, *Chủ*) đã là một khối thống nhất mà không còn giữ được “ấn tượng hai âm tiết” như dạng thức cổ xưa trước đây đã có.

Thứ hai, về lí do cách lựa chọn âm tiết còn lại trong địa danh Hán - Việt thì tạm thời chúng ta chưa đủ cơ sở ngôn ngữ học để lí giải. Thí dụ, ở trường hợp (kê/ làng) *Mọc* (làng) - *Nhân Mục* thì ở địa danh Hán - Việt người ta chọn yếu tố *nhân* là do ý nghĩa hay ngữ âm (!) của âm tiết *nhân* quy định. Tuy nhiên, chúng tôi dự đoán xu hướng lựa chọn ở đây trên “đại thể” là thể hiện ở mặt ngữ nghĩa. Nó có thể phụ thuộc vào “ước vọng” của

cộng đồng hay “đặc điểm văn hoá” hoặc “dịch nghĩa” một yếu tố trong tổ hợp địa danh, v.v.. của vùng đất khi người ta Hán - Việt hoá địa danh Nôm.

Thứ ba, như vậy ở đây khó có thể có khả năng thành tổ chung trong địa danh Nôm (như *kẻ* trong *kẻ/ làng Loa*) chuyển thành một thành tố trong địa danh Hán - Việt. Điều đó cũng có nghĩa rất khó có khả năng một trong hai âm tiết của địa danh Hán - Việt là dạng thức phiên âm ngữ âm của thành tố chung cấu thành nên phức hợp địa danh Nôm. Cho nên, giả thiết trong trường hợp *Cổ Loa/ Khả Lũ, Cổ Định, Cổ Bôn*, v.v... (và có thể cả *Cá Lập* hay *Từ Liêm*), yếu tố *Cổ* của *Cổ Loa, Cổ Bôn, Cổ Định*, v.v... (cũng như *Cá* của *Cá Lập* chẳng hạn) là sự Hán - Việt hoá thành tố chung *kẻ* trong phức hợp địa danh Nôm là giả định khiên cưỡng. Và lại những gì đã phân tích cho biết, không nhất thiết thành tố chung *kẻ* trong địa danh Nôm phải được Hán - Việt hoá. Trường hợp *kẻ Loa* chuyển đổi sang *Cổ Loa*, nếu có, thì đây phải là một ngoại lệ cần được giải thích lý do.

Mục đích của chúng ta khi tìm hiểu cơ chế Hán - Việt hoá địa danh Nôm tên làng (*kẻ/ chạ*) là để góp phần xác định xuất xứ và ý nghĩa đích thực của trường hợp địa danh *Cổ Loa*. Cách giải thích của Đào Duy Anh, như ở trên đã trình bày, phá vỡ tính nhất quán của cách hiểu về địa danh mà ngôn ngữ học có thể mô tả ở mặt đồng đại. Trong khi đó, trên thực tế làng *Cổ Loa* có một tên gọi Nôm là *Chủ*

(trong *chạ/ kẻ Chủ*) nhưng Đào Duy Anh lại chưa nói tới. Cho nên ở đây, về bản chất cần tìm hiểu mối liên hệ giữa tên Nôm (*chạ/ kẻ*) *Chủ* với (làng) *Khả Lũ/ Cổ Loa* có lẽ hợp lý hơn. Khi dân gian Việt có tên Nôm *chạ Chủ* nhưng để gọi nơi cư trú của mình, cách giải thích của Đào Duy Anh cho rằng người ta mượn từ tiếng Hán tên gọi *Loa Thành* để tạo ra phức hợp địa danh *kẻ/ chạ Loa* vừa Việt vừa Hán là không phù hợp với thực tế xuất hiện các địa danh *Khả Lũ - Cổ Loa - Loa Thành* hiện có trong thư tịch.

2.3. Vấn đề Hán - Việt hoá địa danh *Cổ Loa*

Ở trên, chúng tôi đã trình bày vì sao có thể nhận thấy cách giải thích nguồn gốc và ý nghĩa địa danh *Cổ Loa* của học giả Đào Duy Anh là chưa phù hợp với cách thức Hán - Việt hoá địa danh Nôm. Theo đó, rất khó có khả năng một thành tố chung của địa danh Nôm lại chuyển thành một yếu tố cấu thành tên riêng trong địa danh Hán - Việt. Trong khi đó, ông lại bỏ qua sự hiện diện giữa tên Nôm (*chạ/ kẻ*) *Chủ* với tên gọi Hán - Việt *Cổ Loa*. Có lẽ mối liên hệ ngữ âm giữa hai dạng thức này mới là chìa khoá để chúng ta giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của địa danh Hán - Việt của làng này.

2.3.1. Cơ sở để tái lập tên Nôm *Chủ* trong (*chạ/ kẻ*) *Chủ*

Địa danh Nôm *chạ Chủ* có nghĩa là *làng Chủ* hay *kẻ Chủ*. Phức hợp ấy gồm hai yếu tố, trong đó *chạ, làng, kẻ* là thành tố chung chỉ “loại đơn vị

cư trú”, còn yếu tố *Chủ* mới chính là thành tố chỉ tên riêng. Để làm rõ mối liên hệ ngữ âm đang được quan tâm giữa (*chạ/ kè*) *Chủ* và “làng *Cổ Loa*”, trước hết chúng ta sẽ nhận diện

(hay tái lập) dạng thức cổ xưa của *Chủ*. Để làm được điều đó, chúng ta sẽ phân tích sự tương ứng giữa những địa danh Nôm và địa danh Hán - Việt tương ứng sau đây:

STT	Địa danh Nôm	Địa danh Hán - Việt	Vị trí địa lí
1	(kè/ làng) <i>Chấp</i>	(làng) <i>Cá Lập</i>	Quảng Xương, Thanh Hoá
2	(kè/ làng) <i>Chèm</i>	(làng) <i>Từ Liêm</i>	Từ Liêm, Hà Nội
3	(kè/ làng) <i>Chỗ</i>	(làng) <i>Cao Thọ</i>	Gia Bình, Bắc Ninh
4	(kè/ làng) <i>Chấy</i>	(làng) <i>Tri Lễ/ Ước Lễ</i>	Thanh Oai, Hà Nội
5	(kè) <i>Chuông</i>	(làng) <i>Phương Trung</i>	Thanh Oai, Hà Nội
6	(kè) <i>Dâu/ Giâu</i>	(làng) <i>Cổ Châu</i>	Từ Sơn, Bắc Ninh
7	(kè/ làng) <i>Chám</i>	(làng) <i>Cổ Lãm</i>	Lương Tài, Bắc Ninh
8	(chạ/ kè) <i>Chủ</i>	(làng) <i>Cổ Loa/ Khả Lũ</i>	Đông Anh, Hà Nội
9	(kè/ làng) <i>Chài</i>	(làng) <i>Cổ Trai</i>	Kiến Thụy, Hải Phòng
10	(làng/ kè) <i>Giai</i>	(làng) <i>Thư Trai</i>	Phúc Thọ, Hà Nội
11	(kè/ làng) <i>Dạm</i>	(làng) <i>Cổ Lãm</i>	Võ Giàng, Bắc Ninh
12	(kè/ làng) <i>Giai</i>	(làng) <i>Cổ Trai</i>	Duyên Hà, Thái Bình
13	(kè) <i>Sổm/ Xổm</i>	(làng) <i>Cổ Lãm</i>	Hà Đông, Hà Nội
14	(làng/ kè) <i>Sấu</i>	(làng) <i>Hà Liễu</i>	Thanh Trì, Hà Nội
15	(kè/ làng) <i>Trôi</i>	(làng) <i>Khúc Toại</i>	Võ Giàng, Bắc Ninh
16	(làng/ kè) <i>Chôi</i>	(làng) <i>Thượng Thụy</i>	Đan Phượng, Hà Nội

Những trường hợp tương ứng nói trên phản ánh khả năng biến đổi như sau:

a) Có 5 trường hợp thể hiện sự tương ứng giữa âm đầu *ch* của âm tiết Nôm với âm đầu *l* của âm tiết Hán - Việt thứ hai. Đó là *Chấp* > *Cá Lập*; *Chèm* > *Từ Liêm*; *Chấy* > *Tri Lễ/ Ước Lễ*; *Chám* > *Cổ Lãm* và *Chủ* > *Cổ Loa/ Khả Lũ*. Dựa vào tương ứng ngữ âm giữa âm đầu và phần vần của âm tiết Nôm với âm tiết Hán - Việt thứ hai, ngữ âm lịch sử tiếng Việt⁹ cho biết có thể dạng thức tiền ngôn ngữ của *Chèm* là **klèm/ *tlèm*, của *Chấp* là **kláp/ *tláp* và của *Chủ* là **klủ/ *tlủ*.

Đây có lẽ là những tương ứng phản ánh việc chuyển từ ngữ âm thuần Việt sang ngữ âm Hán Việt thông thường và điển hình nhất.

b) Có 5 trường hợp thể hiện sự tương ứng giữa âm đầu âm tiết Nôm *ch* hay *tr* với âm đầu *th*, *t* hay *tr* của âm tiết Hán Việt thứ hai. Đó là *Chỗ* > *Cao Thọ*; *Chuông* > *Phương Trung*; *Chài* > *Cổ Trai*; *Trôi* > *Khúc Toại*; *Chôi* > *Thượng Thụy*. Ở những trường hợp này, sự khác biệt giữa *ch* và *tr* ở âm tiết Nôm chỉ là sự khác biệt về mặt văn tự. Vì thế căn cứ vào âm đầu *th*,

tr và *t* của âm tiết thứ hai trong địa danh Hán - Việt, người ta có thể nghĩ rằng tổ hợp âm đầu thuần Việt nhiều khả năng là một tổ hợp gồm một âm tắc *t* hay *k* với một âm lỏng *l* hay *r* kiểu *kl/ kr* hay *tl* mà hiện nay tiếng Mường và một vài phương ngữ Việt vẫn còn lưu giữ.

Như vậy, dạng thức tiền ngôn ngữ của âm tiết Nôm *Chỗ*, *Chuông*, *Chài*, *Trời*, *Chôi* rất có thể là **tlỗ*, **tluông*, **tlài*, **tlòi* và **tlôi*. Sự khác biệt giữa trường hợp (a) và (b) cho chúng ta biết thêm rằng có thể là chúng được chuyển sang Hán Việt không cùng thời điểm với nhau, tức sự chuyển đổi từ Nôm sang Hán - Việt ở những trường hợp (b) muộn hơn khi các tổ hợp âm đầu đó đã có sự biến đổi khác với dạng tiền ngôn ngữ.

c) Còn 6 trường hợp có sự tương ứng giữa âm đầu âm tiết Nôm với âm đầu âm tiết thứ hai địa danh Hán - Việt phức tạp hơn. Theo đó, âm đầu của âm tiết Nôm là *d/ gi* hay *s/ x* tương ứng với âm đầu của âm tiết thứ hai trong địa danh Hán Việt là *ch/ tr* hay *l*. Tình hình cụ thể là *Dâu/ Giâu* > *Cổ Châu*; *Giai* > *Thư Trai*; *Dạm* > *Cổ Lãm*; *Giai* > *Cổ Trai*; *Sốm/ Xốm* > *Cổ Lãm*; *Sầu* > *Hà Liễu*.

Nhìn bên ngoài, trường hợp (c) này có vẻ khác với hai trường hợp (a) và (b). Nhưng rất có thể chúng chỉ cùng là một kiểu tiền ngôn ngữ trong tiếng Việt trước đây. Bởi vì trong ngữ âm lịch sử tiếng Việt sự khác biệt một bên là *d/ gi* hiện nay với một bên khác

là *ch/ tr* có thể chuyển đổi cho nhau; cũng vậy, sự khác biệt giữa một bên là *s/ x* hiện nay với một bên khác là *ch/ tr* hay *l* đều có thể chuyển đổi cho nhau¹⁰. Vì thế, có thể tái lập dạng tiền ngôn ngữ trong tiếng Việt các âm tiết tên Nôm *Dâu/ Giâu*, *Giai*, *Dạm*, *Giai*, *Sốm/ Xốm*, *Sầu* là **tlâu*, **tlai*, **tlạm*, **tlai*, **tlốm*, **tlầu*. Sự khác biệt ở trường hợp (c) với hai trường hợp (a) và (b), như thế, là phản ánh sự khác nhau về thời gian người ta Hán - Việt hoá địa danh Nôm. Trong ngữ âm lịch sử tiếng Việt người ta đã chứng minh rất rõ điều đó [5a], [7d].

2.3.2. Dạng thức ban đầu của tên Nôm *Chủ* trong (*chạ/ kê*) *Chủ*

Với những gì vừa phân tích ở trên, chúng ta có thể cho rằng dạng thức âm Nôm *Chủ* trong phức hợp địa danh *chạ Chủ* hiện nay có dạng tiền Việt là **klủ/ *tlủ* hay **tlo/ *klo*. Theo quy luật chuyển đổi ngữ âm lịch sử tiếng Việt, dạng thức tiền Việt này đã chuyển thành dạng ngữ âm *chủ* và hiện nó là tên Nôm của làng. Khi Hán - Việt hoá địa danh Nôm, âm tiết thứ hai trong địa danh Hán - Việt được dùng để phiên âm dạng thức ngữ âm của âm tiết Nôm; cho nên tương ứng với **klủ/ *tlủ* hay **tlo/ *klo* trước đây sẽ là *lủ* hay *loa* Hán - Việt. Còn âm tiết thứ nhất trong địa danh Hán - Việt thường chỉ phản ánh dạng thức ngữ âm của yếu tố thứ nhất trong tổ hợp âm đầu của địa danh Nôm nên tương ứng với **klủ/ *tlủ* hay **tlo/ *klo* trước kia sẽ là *khả* hay *cổ* hiện nay.

Như vậy, nếu nhìn ở mặt ngữ âm lịch sử tiếng Việt, rõ ràng sự hiện diện của tên nôm *chạ Chủ* tương ứng với tên Hán - Việt *Cổ Loa* hay *Khả Lũ* là hợp lí. Có nghĩa là *Khả Lũ* hay *Cổ Loa* hiện nay là hệ quả của cách Hán - Việt hoá địa danh **klũ*/ **tlũ* hay **tlo*/ **klo* trước kia.

2.3.3. Giả thiết lịch sử của địa danh *Cổ Loa*

Với khả năng giải thích xuất xứ địa danh *Cổ Loa* như vừa trình bày, chúng tôi xin đưa ra giả thiết lịch sử của địa danh *Cổ Loa* như sau. Dạng thức ban đầu của nó sẽ là **klũ*/ **tlũ* hay **klo*/ **tlo*. Dạng ban đầu này biến đổi theo ngữ âm lịch sử tiếng Việt để có âm *chủ* (tên Nôm) như hiện nay; đồng thời dạng thức ban đầu ấy khi được Hán - Việt hoá (từ/ sau thế kỉ XIII) thành *Khả Lũ* hay *Cổ Loa*. Tên gọi *Loa Thành* phải xuất hiện sau khi đã có tên gọi *Cổ Loa*.

Cách giải thích **klũ*/ **tlũ* > (*chạ*) *Chủ*/ *Khả Lũ* hay **klo*/ **tlo* > *Cổ Loa* hoàn toàn rõ ràng về mặt ngữ âm lịch sử tiếng Việt và phù hợp với hiện tượng Hán - Việt hoá địa danh Nôm là tên làng. Có cơ sở để cho rằng dạng thức ban đầu **klũ*/ **tlũ* hay **klo*/ **tlo* là một dạng thức có nguồn gốc Nam Đảo (Austronésian) với nghĩa là “ngã ba sông”. Vì thế có thể giải thích (làng/ kẻ/ *chạ*) *Chủ* > *Khả Lũ* hoặc > *Cổ Loa* là làng “ở ngã ba sông”; còn *Loa Thành* là “toà thành ở làng *Cổ Loa*”.

Như vậy, hai cách tiếp cận trong nghiên cứu địa danh cho ta giả thiết khác nhau nhưng chúng bổ sung cho nhau.

CHÚ THÍCH

¹ Thí dụ như các tác phẩm *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV), *Ô châu cận lục* của Dương Văn An (thế kỉ XVI), *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (thế kỉ XVII), *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (thế kỉ XVIII), *Gia định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (thế kỉ XVIII), *Đồng Khánh dư địa chí* (thế kỉ XIX), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX* (thuộc các tỉnh từ Nghệ An trở ra) (do Dương Thị The và Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn năm 1981), *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ* [9], *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, v.v...

² Chẳng hạn, Ngô Vi Liễn (năm 1928) với *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*; Đào Duy Anh (năm 1964, in lại năm 1997) với *Đất nước Việt Nam qua các đời* đã nghiên cứu địa danh như là chứng cứ để làm rõ quá trình xác lập, phân định lãnh thổ và từng khu vực; Nguyễn Quang Ân với *Việt Nam, những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945-1997* đã trình bày quá trình thay đổi địa danh hành chính từ xã (phường, thị trấn) trong hơn 50 năm kể từ ngày Việt Nam giành được độc lập; Nguyễn Văn Âu với *Một số vấn đề về địa danh Việt Nam* (năm 2000) cũng bước đầu hệ thống hoá theo loại, kiểu, dạng và các vùng địa danh khác nhau ở Việt Nam.

³ Trong số đó, có thể kể đến những tác giả như Thái Hoàng (năm 1982) với *Bàn về tên làng ở Việt Nam*, Bùi Thiết (năm 1987) đã lí giải từ góc nhìn lịch sử *Sự hình thành và diễn biến của các tên làng người Việt cho đến năm 1945*, Tô Đình Nghĩa (năm 1990) giải thích về *Nguồn gốc và ý nghĩa các yếu tố Đak, Ya, Krông... trong*

một số địa danh ở Tây Nguyên, Ngô Đức Thọ (1997) nghiên cứu nguyên nhân kỹ huỷ làm thay đổi các địa danh trong *Nghiên cứu chữ huỷ Việt Nam qua các triều đại*, Bùi Đức Tịnh (1999) với *Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ*, Vũ Ngọc Khánh (năm 2000) tập hợp lại từ góc nhìn địa chí thành tập *Chuyện kể địa danh Việt Nam*, Đỗ Văn Ninh (năm 2001) xem xét *Không gian phân bố địa danh cổ có từ tổ “chiềng” từ Việt Nam đến Thái Lan*, Ninh Việt Giao (năm 2009) với *Quá trình hình thành làng xã ở Nghệ An*, Phạm Trường Khang (năm 2009) viết dưới dạng *Hỏi đáp địa danh lịch sử Việt Nam*, v.v...

Những từ điển nhằm mục đích tra cứu thông tin về địa danh Việt Nam như *Từ điển Hà Nội: Địa danh* (năm 1993) và *Địa danh văn hoá Việt Nam* (năm 1999) của Bùi Thiết, cuốn *Từ điển đường phố Hà Nội* của nhóm Nguyễn Loan (năm 1994), cuốn *Sổ tay địa danh Việt Nam* của Đào Xuân Vịnh (năm 1995), cuốn *Sổ tay địa danh Việt Nam* của Nguyễn Dược - Trung Hải (năm 1998), cuốn *Từ điển bách khoa địa danh Hải Phòng* do Ngô Đăng Lợi chủ biên (năm 1998), cuốn *Địa danh thành phố Huế* của nhóm Trần Thanh Tâm (năm 2001), cuốn *Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ* của nhóm Nguyễn Quang Hà và nhiều tác giả khác (năm 2002), cuốn *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh* do Lê Trung Hoa chủ biên (cuốn 2003), cuốn *Từ điển địa danh văn hoá và thắng cảnh Việt Nam* (năm 2004) do nhóm Nguyễn Như Ý, Nguyễn Thành Chương, Bùi Thiết biên soạn, v.v...

chính của địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh (năm 1990) của Lê Trung Hoa, *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng (sơ bộ so sánh với một số vùng khác)* (năm 1996) của Nguyễn Kiên Trường, *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị* (năm 2003) của Từ Thu Mai, *Những đặc điểm chính của địa danh Đắk Lắk* (năm 2005) của Trần Văn Dũng, *Khảo sát các địa danh ở Nghệ An* (năm 2006) của Phan Xuân Đạm, *Địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Tây Thừa Thiên Huế* (năm 2013) của Trần Văn Sáng, *Đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá của địa danh Thanh Hoá* (năm 2014) của Vũ Thị Thắng, *Khảo cứu địa danh Quảng Bình* (2015) của Nguyễn Đình Hùng v.v...

Những cuốn sách xuất bản viết về địa danh Việt Nam theo cách thức tiếp cận ngôn ngữ học như *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh* (năm 1991) hay những cuốn *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt văn học* (năm 2002), *Địa danh học Việt Nam* (năm 2006) của Lê Trung Hoa v.v... Còn những bài báo (được công bố trên những tạp chí chuyên ngành như tạp chí *Ngôn ngữ*, *Ngôn ngữ & Đời sống*, *Văn hóa dân gian*, *Văn hoá Nghệ thuật*, *Xưa & Nay*, *Hán Nôm...*) chẳng hạn như: Võ Xuân Trang với bài *Bước đầu tìm hiểu các tên làng có tiền tố “Kê” ở Bình Trị Thiên* (năm 1985); Huyền Nam với bài *Làng và kê trong hệ thống tổ chức cơ sở cổ truyền* (năm 1986); Tạ Văn Thông với các bài *Tên riêng trong tiếng Koro* (năm 1993), *Điểm qua một số địa danh Thái trên miền Tây Bắc* (năm 1997); Hoàng Tất Thắng với bài *Địa danh Đà Nẵng từ cách tiếp cận ngôn ngữ học* (năm 2003); Nguyễn Văn Hiệu với những bài như *Những địa danh*

⁴ Về luận án tiến sĩ ngôn ngữ học, có thể kể đến công trình *Những đặc điểm*

gốc Hán ở một số vùng dân tộc Mông - Dao ở Việt Nam (trên cứ liệu địa danh hành chính tỉnh Lào Cai) (năm 2005), Văn hoá dân tộc Mông - Dao ở Lào Cai được phản ánh qua ngữ nghĩa của địa danh hành chính gốc Hán (năm 2006), Vấn đề quốc ngữ hoá hệ thống phụ âm đầu trong các địa danh gốc Hán quan thoại Tây Nam ở Việt Nam (năm 2007); nhóm Nguyễn Đức Tồn với bài *Thử tìm hiểu ý nghĩa địa danh Võ Nhai (Thái Nguyên)* (năm 2009); Vương Toàn với bài *Các đặc điểm của địa danh Tây Nùng ở Lạng Sơn* (năm 2009); hay như *Các phương diện văn hoá của địa danh ở Thừa Thiên Huế* (năm 2009), *Giá trị phản ánh hiện thực của địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Thừa Thiên Huế* (năm 2009), *Đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa các địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ dân tộc thiểu số Pa cô-Ta ôi ở huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế* (năm 2010), *Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa các địa danh có nguồn gốc tiếng Cơ-tu ở Thừa Thiên Huế* (năm 2011) của Trần Văn Sáng v.v...

⁵ Cụ thể là những bài của Trần Trí Dõi như *Về địa danh Cửa Lò* (năm 2000), *Về một vài địa danh, tên riêng gốc Nam Đảo trong vùng Hà Nội xưa* (năm 2000), *Không gian ngôn ngữ và tính kế thừa đa chiều của địa danh (qua phân tích một vài địa danh ở Việt Nam)* (năm 2001), *Vấn đề địa danh biên giới Tây Nam: một vài nhận xét và những kiến nghị* (năm 2001), *Tiếp tục tìm hiểu về xuất xứ và ý nghĩa địa danh Cổ Loa (Qua cách giải thích địa danh này của Giáo sư Đào Duy Anh)* (năm 2005), *Ba bài viết về địa danh Cổ Loa* (năm 2008), *Tên gọi của sông Hồng: dấu tích biểu hiện nét đa dạng văn hoá trong*

lịch sử người Việt (năm 2008), *Tên gọi thánh 'Đổng' và lễ hội 'Phù Đổng': góc nhìn từ ngữ âm lịch sử tiếng Việt* (năm 2012), *Thử đề xuất cách phân tích và nhận diện từ nguyên gốc Chăm một số địa danh đảo ở biển Đông* (năm 2012), v.v...

⁶ Về cách hiểu “thành tố chung” của phức hợp địa danh, chi tiết có thể xem ở (Tư Thu Mai, 2003). Trong trường hợp tên gọi Nôm (*chạ/ kè/ làng*) *Chủ*, Hán - Việt (*làng*) *Cổ Loa/ Khả Lũ* thì các yếu tố *chạ/ kè/ làng* là “thành tố chung” của phức hợp địa danh (đôi khi gọi tắt là địa danh), còn *Chủ, Cổ Loa, Khả Lũ, Loa* (nếu có) là tên riêng mới thực sự là địa danh.

⁷ Những “tương ứng có quy luật” trong biến đổi ngữ âm của lịch sử tiếng Việt và thời gian lịch sử của những hiện tượng ấy xin xem chi tiết ở tài liệu tham khảo [5b], [7d], [7e]. Chúng tôi xin nói thêm đôi điều ở đây. Cụ thể, các âm tiết Nôm *Chấp, Chèm, Chủ* cũng có thể viết bằng chữ Quốc ngữ *Tráp, Trèm, Trủ*. Hiện nay, quy luật ngữ âm lịch sử tiếng Việt theo đó âm đầu cổ **kl/ tl/ kh/ > tr/ ch* được xác định rõ khi so sánh giữa tiếng Mường, tiếng Việt thế kỉ XVII (Từ điển *Việt - Bồ - Latinh* của A. de Rhodes năm 1651), phương ngữ Việt Bắc Trung Bộ và tiếng Việt hiện nay. Thí dụ, tiếng Mường: *klu, tlầu, klời/ tlời* - tiếng Việt thế kỉ XVII: *klu/ tru, tlầu/ trầu, klời/ tlời/ trời/ lờ* - thổ ngữ Việt ở Quảng Bình: *klu, klầu, tlời* - và tiếng Việt hiện nay: *trầu/ châu, trầu/ châu, trời/ chời/ giời*.

⁸ Trong dạng thức tái lập này, để tránh sự phức tạp chưa cần thiết, chúng ta tạm thời coi dạng thức thanh điệu hiện nay là dạng thức cổ xưa. Trong thực tế tình hình thanh điệu không đơn giản như vậy.

⁹ Người ta có thể dẫn ra những tương ứng sau đây của tiếng Việt để chứng minh cho hiện tượng này. Thí dụ, Việt: (con) *trầu*, Việt ở Ninh Bình: (con) *tầu*, Mường (con) *klu*; Việt: (cây) *tre*, Việt ở Ninh Bình: (cây) *te*, Mường (cây) *kle*; Việt: *trắng*, Việt ở Ninh Bình: *tắng*, Mường: *klắng/ tlắng*, v.v...

¹⁰ Trong tiếng Việt hiện nay hiện vẫn lưu giữ cách nói kiểu (con) *trai*, (ăn) *trầu*, trời với kiểu (con) *giai*, (ăn) *giầu*, *giời* và (gà) *trống*, (làm) *trái*, (cái) *trẹo* với (gà) *sống*, (làm) *sái*, (cái) *se*... có lẽ là sự phản ánh chuyển đổi ngữ âm nói trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hoá - Huế, 1997.
2. Hoàng Thị Châu, *Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông*, Thông báo khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Tập 3, 1964.
3. Ngô Vi Liễn, *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb VHTT, 1999.
4. Nguyễn Kiên Trường, *Mô hình Kẽ + X trong tên làng xã cổ truyền*, T/c Văn hoá dân gian, Số 2 (54), 1996.
5. Nguyễn Tài Cẩn,
 - a. *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, Nxb GD, 1995.
 - b. *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Nxb ĐHQGHN, 2001.
 - c. *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá*, Nxb ĐHQGHN, 2001.
6. Trần Quốc Vượng (chủ biên), *Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb KHXH, H., 1996.
7. Trần Trí Dõi
 - a. *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá xã hội*, Nxb VHTT, 2001.
 - b. *Tiếp tục tìm hiểu về xuất xứ và ý nghĩa địa danh Cổ Loa (qua cách giải thích địa danh này của GS Đào Duy Anh)*, T/c Ngôn ngữ, Số 11, 2005.
 - c. *Ba bài viết về địa danh Cổ Loa*, In trong *20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành*, Nxb Thế giới, H., 2008.
 - d. *Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb ĐHQG, H., 2011.
 - e. *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*, Nxb GD, H., 2011.
8. Từ Thu Mai, *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2004.
9. Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc - Kỳ*, Nxb VHTT, 1999.
10. Viện Khảo cổ học, *Hùng Vương dựng nước*, Tập I, Nxb KHXH, H., 1970.

